

Số: 102 /NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 22 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND thành phố “Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách Thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2022”; Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 22/7/2022, Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND thành phố “Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của thành phố”;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND thành phố “Về việc bổ sung danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2022, phục vụ lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 và giai đoạn 2023-2025”;

Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 510/TTr-UBND ngày 16/12/2022 “Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025”; Báo cáo thẩm tra số 507/BC-HĐND ngày 16/12/2022 của Ban kinh tế - xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn: 46,283 tỷ đồng của 27 công trình và 01 nhiệm vụ chi, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm 5,18 tỷ đồng của 23 công trình đã phê duyệt quyết toán còn thừa kế hoạch vốn.

- Điều chỉnh giảm 6,44 tỷ đồng của công trình Khu dân cư, tái định cư khu Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí do tổng mức đầu tư được phê duyệt 13,56 tỷ đồng (kế hoạch là 20,0 tỷ đồng);

- Điều chỉnh giảm 3,8 tỷ đồng của công trình Xây dựng nhà văn hóa khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, do trùng công trình trong kế hoạch đầu tư công trung hạn;

- Điều chỉnh giảm 14,503 tỷ đồng của công trình Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài đầu nối tuyến đường tránh phía nam thành phố theo quy hoạch do điều chỉnh giảm quy mô đầu tư;

- Điều chỉnh giảm 15 tỷ đồng của công trình Tuyến đường Trần Hưng Đạo (giai đoạn 2) do công trình điều chỉnh giảm quy mô đầu tư;

- Điều chỉnh giảm 1,36 tỷ đồng của nhiệm vụ chi Hoàn trả kinh phí GPMB của Tiểu dự án Phả Lại-Hạ Long do đã thực hiện hoàn trả kinh phí xong.

(Chi tiết có phụ biểu số 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn: 45,601 tỷ đồng cho 13 công trình, cụ thể:

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho 02 công trình đã phê duyệt quyết toán còn thiếu kế hoạch vốn 0,239 tỷ đồng.

- Điều chỉnh tăng 18 tỷ đồng kế hoạch vốn cho công trình: Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí; Kế hoạch vốn sau bổ sung 21 tỷ đồng;

- Điều chỉnh tăng 27,361 tỷ đồng kế hoạch vốn cho 10 công trình để kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025 bằng tổng mức đầu tư tránh phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong quá trình thực hiện.

(Chi tiết có phụ biểu số 02 kèm theo)

II. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1. Bổ sung 09 công trình vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố, giai đoạn 2011-2025; đồng thời bố trí kế hoạch vốn 168,122 tỷ đồng, cụ thể như sau:

(1) Công trình: Kè đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Làn Tháp), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, có tổng mức đầu tư dự kiến 1,5 tỷ đồng; kế hoạch vốn phân bổ 1,5 tỷ đồng;

(2) Công trình: Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, có tổng mức đầu tư dự kiến 3 tỷ đồng; kế hoạch vốn phân bổ 3 tỷ đồng;

(3) Công trình: Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, có tổng mức đầu tư dự kiến 9 tỷ đồng; kế hoạch vốn phân bổ 9 tỷ đồng;

(4) Công trình: Chính trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí, có tổng mức đầu tư dự kiến 60 tỷ đồng; kế hoạch vốn phân bổ 60 tỷ đồng;

(5) Công trình: Chính trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí, có tổng mức đầu tư dự kiến 65 tỷ đồng; kế hoạch vốn phân bổ 65 tỷ đồng;

(6) Công trình: Cải tạo nâng cấp vỉa hè, rãnh thoát nước đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu chui, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, có tổng mức đầu tư dự kiến 2,822 tỷ đồng; kế hoạch vốn phân bổ 2,822 tỷ đồng;

(7) Công trình: Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư dự kiến 1,2 tỷ đồng; kế hoạch vốn phân bổ 1,2 tỷ đồng;

(8) Công trình: Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Uông Bí - Hạ Long phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư dự kiến 0,6 tỷ đồng; kế hoạch vốn phân bổ 0,6 tỷ đồng.

(9) Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin) có tổng mức đầu tư dự kiến 25 tỷ đồng; kế hoạch vốn phân bổ 25 tỷ đồng.

(Chi tiết có phụ biểu số 03 kèm theo)

2. Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ: 130 tỷ đồng.

3. Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 22/7/2022, Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND thành phố "Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của thành phố".

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:

1. UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Hội đồng nhân dân về tính đầy đủ, khách quan, chính xác của các thông tin, số liệu trình HĐND thành phố. Quá trình triển khai, UBND thành phố tiếp tục rà soát chặt chẽ nhu cầu đầu tư theo thứ tự ưu tiên cho các công trình hoàn thành, chuyển tiếp, các dự án trọng điểm, dự án động lực có tầm ảnh hưởng lớn; xác định phân kỳ đầu tư cho phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực, hạn chế tối đa tình trạng kéo dài dự án sang giai đoạn sau do không cân đối được nguồn lực; kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài, lãng phí nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực và vai trò dẫn dắt của đầu tư công.

2. Thường trực, các Ban, các Tổ và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nghiêm Xuân Cường

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND thành phố Vũng Bù)

STT	Danh mục dự án	Số hạng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	KH ĐTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS TP được duyệt tại NQ số 72 ngày 22/7/2022 và NQ số 86 ngày 14/11/2022 của HĐND TP	Điều chỉnh giám KH ĐTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS TP sau NS Thành phố	KH ĐTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS TP sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	28			490,337	153,424	301,761	46,282,984	255,478	
A	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỰ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025	3			772,935	150,924	308,081	15,204,856	92,876	
I	Lĩnh vực Văn hóa	1			19,500	9,000	11,500	697,470	10,803	
I	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử lưu niệm sự kiện Bác Hồ về thăm Vũng Bù năm 1965 phường Trung Vương	1	3709	26/6/2020	19,500	9,000	11,500	697,470	10,803	Đã QT
II	Lĩnh vực Kinh tế	2			253,435	141,924	96,581	14,507,386	82,073	
I	Xây dựng tuyến đường gom Quốc lộ 18A đoạn từ phố Hòa Bình đến phố Yên Thành, thành phố Vũng Bù	1	6978	30/10/2018	3,435	1,603	1,581	4.519	1,576	Đã QT và tái toán
2	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài đầu nối tuyến đường tránh phía nam thành phố theo quy hoạch	1	7018	31/10/2018	250,000	140,321	95,000	14,502,867	80,497	Đầu tư năm 2019
B	DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025	23			196,116	2,500	172,551	29,710,421	142,841	
B.1	DỰ ÁN THÀNH PHỐ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	7			182,444	2,500	158,879	23,598,199	135,281	
II	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin	2			5,485		5,485	524,763	4,961	
I	Xây dựng nhà văn hóa khu 8, phường Quang Trung, thành phố Vũng Bù	1	14	23/7/2021	3,785		3,785	289,891	3,496	Đã QT và tái toán
2	Đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn thành phố Vũng Bù ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	1	1088	22/12/2020	1,700		1,700	234,872	1,465	Đã QT và tái toán

STT	Tên mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	KH ĐTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS TP được duyệt tại NS số 72 ngày 22/7/2022 và NS số 86 ngày 14/11/2022 của UBND TP	Điều chỉnh giảm KH ĐTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS Thành phố	KH ĐTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS TP sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
III	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	4			175,064	2,500	151,500	22,946,694	128,553	
1	Nâng cấp, cải tạo đập tràn nói chung ở phường Quang Trung với phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	70	31/3/2021	8,000		8,000	736,271	7,264	Đã QT và tất toán
2	Tuyến đường Trần Hưng Đạo (giai đoạn 2)	1	391	03/02/2021	150,000	2,500	120,000	15,000	105,000	Dự án bố trí 97,5 tỷ đồng từ nguồn dự nguồn tiền lương
	<i>Cơ sở hạ tầng phát triển quy đất</i>	2			17,064		23,500	7,210,423	16,290	
1	Hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xen cư tại khu Nam Trung, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	74	31/3/2021	3,500		3,500	774,819	2,725	Đã QT và tất toán
2	Khu dân cư, tái định cư khu B1 Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	13,564		20,000	6,435,604	13,564	Đầu tư năm 2022
IV	Lĩnh vực quản lý nhà nước	1			1,894		1,894	126,742	1,767	
1	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của Trung tâm tổ chức hội nghị Thành phố	1	73	31/3/2021	1,894		1,894	126,742	1,767	Đầu tư năm 2021; Đã QT và tất toán
B.2	DỰ ÁN GIAO UBND XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	16			13,672		13,672	6,112,222	7,560	
I	Phường Quang Trung	2			5,010		5,010	4,074,324	936	
1	Xây dựng nhà văn hóa khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	14	23/7/2021	3,800		3,800	3,800,00	0	Trung CT
4	Mương thoát nước đoạn từ nhà Ông Mộc ra ngã 3 Hồ Công Viên, phường Quang Trung (giai đoạn 1)	1	35	21/10/2021	1,210		1,210	274,324	936	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
II	Phường Thanh Sơn	2			908		908	508,000	400	



STT	Tên dự án	Số công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	KH ĐTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS TP được duyệt tại NQ số 72 ngày 22/7/2022 và NQ số 86 ngày 14/11/2022 của HĐND TP	Điều chỉnh giám KH ĐTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS Thành phố	KH ĐTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS TP sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
2	Dường bê tông ngõ 50, phố Lý Thường Kiệt phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	450		450	250.000	200	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Rãnh thoát nước + Mái chống nóng nhà văn hóa khu 4, phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	458		458	258.000	200	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
III	Phường Yên Thanh	3			1,700		1,700	641.258	1,059	
1	Xây dựng rãnh thoát nước từ đường Trần Hưng Đạo (Ván phòng HTX Vạn tài Đức Phúc) đến công Sông Sinh, khu 1 phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.	1	35	21/10/2021	500		500	252.027	248	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Dường bê tông, rãnh thoát nước tổ 17-18 khu Bì Giảng (đoạn từ nhà ông Phạm Văn Nghĩa đến nhà ông Trần Đình Hùng) phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.	1	35	21/10/2021	700		700	212.379	488	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Xây dựng rãnh thoát nước tổ 15 khu Lạc Thanh phường Yên Thanh	1	35	21/10/2021	500		500	176.852	323	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
VI	Phường Trung Vương	3			1,740		1,740	123.540	1,616	
1	Dường bê tông, rãnh thoát nước tổ 13, khu 2, phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	700		700	48.328	652	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Dường bê tông, rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến nhà ông Đại khu Đền Công 2	1	35	21/10/2021	490		490	44.679	445	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Lắp điện chiếu sáng, điện sinh hoạt đoạn từ công trường lên nhà văn hóa khu 4, phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	550		550	30.533	519	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
VII	Phường Nam Khê	1			850		850	350.301	500	
1	Nâng cấp tuyến đường giao thông tổ 6 đoạn phía sau NVH khu Tre Mái	1	35	21/10/2021	850		850	350.301	500	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
IX	Phường Vàng Danh	2			1,827		1,827	345.698	1,482	
1	Kè chống sạt lở tổ 5, khu 5B, phường Vàng Danh	1	35	21/10/2021	961		961	153.781	807	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán

STT	Tên dự án	Số công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	KH ĐTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS TP được duyệt tại NQ số 72 ngày 22/7/2022 và NQ số 86 ngày 14/11/2022 của HĐND TP	Điều chỉnh giảm KH ĐTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS Thành phố	KH ĐTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS TP sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
2	Cải tạo, nâng cấp cầu dân sinh tổ 7, khu 5B, phường Vàng Danh	1	35	21/10/2021	836		866	191.917	674	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
X	Xã Thượng Yên Công	3			1.637		1.637	69.101	1.567	
1	Đường vào xóm ông Nghệ thôn Quan Điền - Khe Thôn, xã TYC, TP. Uông Bí	1	35	21/10/2021	308		308	15.836	293	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
2	Tuyến đường xóm ông Hòa thôn Năm Mẫu 1, xã TYC, TP. Uông Bí	1	35	21/10/2021	466		466	20.004	446	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
3	Đường giao thông nội đồng tuyến gốc Quốc, thôn Khe Sủ 1, xã Thượng Yên Công, TP. Uông Bí	1	35	21/10/2021	862		862	33.241	829	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
C	CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHÁC	1			17.993		17.993	1.364	16.629	
	Hoàn trả kinh phí GPMB của Tiền dự án Phả Lại - Hạ Long	1			17.993		17.993	1.363.890	16.629	
D	NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, QUY HOẠCH, DỰ ÁN KHẨN CẤP	1			3.294		3.136	3.817	3.132	
D.1	Kế hoạch đã phân bổ	1			3.294		3.136	3.817	3.132	
1	Lập dựng chốt kiểm soát dịch bệnh Covid-19 tại Cầu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	4529a	22/8/2021	3.294		3.136	3.817	3.132	Đã QT và tất toán



DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND thành phố Vũng B)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	KH ĐTC trung hạn GB 2021-2025 vốn NS TP được duyệt tại NS số 72 ngày 22/7/2022 và NS số 86 ngày 14/11/2022 của HĐND TP	Điều chỉnh tăng KH ĐTC trung hạn GB 2021-2025 vốn NS TP Thành phố	KH ĐTC trung hạn GB 2021-2025 vốn NS TP sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	13			548.600	188.317	191.645	45.600,984	237.246	
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025	5			284.600	188.317	81.000	11.245,875	92.246	
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	1			27.868	10.000	15.000	64.827	15.065	
I	Trường Mầm Non Phương Đông, phường Phương Đông, thành phố Vũng B (điểm trường Khu Tân Lập)	1	8855	30/10/2019	27.868	10.000	15.000	64.827	15.065	Đã QT
II	Lĩnh vực Kinh tế	3			222.384	161.378	50.000	11.006,558	61.007	
I	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đỏ Yên Từ đoạn Km 0+-000 đến Km 3+100, thành phố Vũng B	1	7042	31/10/2018	172.014	154.578	10.000	7.436,285	17.436	Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 100 tỷ đồng
	Hạ tầng phát triển quy đất	2			50.370	6.800	40.000	3.570,273	43.570	
I	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhóm nhà ở tại khu 3, phường Quang Trung, thành phố Vũng B	1	8828	29/10/2019	19.094	6.800	11.000	1.294,000	12.294	
2	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9, phường Quang Trung, thành phố Vũng B	1	8826	29/10/2019	31.276		29.000	2.276,273	31.276	
III	Lĩnh vực quản lý nhà nước	1			34.348	16.939	16.000	174,490	16.174	
I	Xây dựng trụ sở mới phường Nam Khê, thành phố Vũng B	1	8864	30/10/2019	34.348	16.939	16.000	174,490	16.174	Đã QT
B	DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025	7			124.000		107.645	16.355,109	124.000	
B.I	DỰ ÁN THÀNH PHỐ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	7			124.000		107.645	16.355,109	124.000	

STT	Tên mục dự án	Số hạng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	KH DTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS TP được duyệt tại NS số 72 ngày 22/7/2022 và NS số 86 ngày 14/11/2022 của HĐND TP	Điều chỉnh tăng hạn GD 2021-2025 vốn NS TP Thành phố	KH DTC trung hạn GD 2021-2025 vốn NS TP sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	2			13.703		9.200	4.503,109	13.703	
1	Trường Tiểu học Phường Đông A, phường Phường Đông, thành phố Vũng Bi (mở rộng)	1	35	21/10/2021	4.000		3.200	800,000	4.000	Đầu tư năm 2022
2	Trường tiểu học Lê Lợi, phường Quang Trung, thành phố Vũng Bi (nâng cấp)	1	35	21/10/2021	9.703		6.000	3.703,109	9.703	Đầu tư năm 2022
I	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	4			100.297		90.445	9.852,000	100.297	
1	Thuyến đường xóm giữa đầu nối từ QL18A sang QL10 thuộc tổ 1 và tổ 2, khu Bi Trung 1, phường Phường Đông	1	35	21/10/2021	6.303		5.000	1.303,000	6.303	Đầu tư năm 2022
2	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, cảnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Vũng Bi	1	35	21/10/2021	3.854		3.469	385,000	3.854	Đầu tư năm 2022
	<i>Cơ sở hạ tầng phát triển quy đất</i>	2			90.140		81.976	8.164,000	90.140	
1	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa, trường mầm non và Khu xen cư tại khu Tân lập, phường Phường Đông, thành phố Vũng Bi	1	1047	21/11/2020	23.500		22.000	1.500,000	23.500	Đầu tư năm 2021
2	Khu dân cư Cầu Sến, phường Phường Đông, thành phố Vũng Bi	1	35	21/10/2021	66.640		59.976	6.664,000	66.640	Đầu tư năm 2022
II	Lĩnh vực Quốc phòng - An Ninh	1			10.000		8.000	2.000,000	10.000	
1	Xây dựng Trụ sở công an xã Thượng Yên Công	1	35	21/10/2021	10.000		8.000	2.000,000	10.000	Đầu tư năm 2022
C	CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHÁC	1			140.000		3.000	18.000,000	21.000	
	Vốn chẵn bị đầu tư các dự án đề nghị Tỉnh hỗ trợ thực hiện giai đoạn 2022-2025	1			140.000		3.000	18.000,000	21.000	
	Kế hoạch đã phân bổ	1			140.000		3.000	18.000,000	21.000	
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Vũng Bi	1	74	22/7/2022	140.000		3.000	18.000,000	21.000	TMDT phê duyệt: 137,0 tỷ đồng; NS Tỉnh hỗ trợ 116 tỷ đồng

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG
TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND, ngày 22/12/2022 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	168.122	168.122	
1	Kè đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Làn Tháp), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1.500	1.500	
2	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	3.000	3.000	
3	Xử lý diểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	9.000	9.000	
4	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	60.000	60.000	
5	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	65.000	65.000	
6	Cải tạo nâng cấp vỉa hè, rãnh thoát nước đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	2.822	2.822	
7	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1.200	1.200	
8	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Uông Bí – Hoành Bồ phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	600	600	
9	Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty Kho vận Đá Bạc - VINACOMIN)	25.000	25.000	